

TĐT

**BAN CHỈ ĐẠO ĐỔI MỚI
VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP**

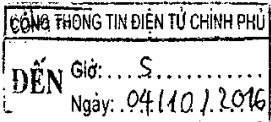
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 274/BC-BĐMDN

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước 9 tháng đầu năm 2016
và thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020**



Kính gửi:

- Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc;
- Các đồng chí Thành viên Chính phủ.

Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp báo cáo tình hình thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN) 9 tháng đầu năm 2016 và thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, như sau:

I. Tình hình thực hiện tái cơ cấu DNNN

1. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách

Theo Chương trình công tác năm 2016, các Bộ phải trình đề Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 25 Nghị định, Quyết định và Đề án thuộc lĩnh vực sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp. Trong đó, 9 tháng đầu năm 2016, các Bộ phải trình 22 văn bản quy phạm pháp luật và Đề án (trong đó, 1 Đề án được cho phép rút khỏi Chương trình công tác năm 2016). Đến ngày 28/9/2016 các Bộ đã trình 12 văn bản, còn 9 văn bản, đề án vẫn chưa trình, cụ thể: Bộ Kế hoạch và Đầu tư còn 4 văn bản và đề án, Bộ Tài chính 3 văn bản, Bộ Quốc phòng 1 văn bản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 1 văn bản (Phụ lục I kèm theo).

2. Kết quả sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước

a) Về sắp xếp, cổ phần hóa DNNN

Đến ngày 28/9/2016, cả nước đã cổ phần hóa 48 DNNN và 3 đơn vị sự nghiệp công lập (Phụ lục II kèm theo). Đây là các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Tập đoàn Công nghiệp Cao su, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Tổng công ty Lương thực miền Nam và một số địa phương. Ngoài ra, đã thực hiện sắp xếp theo các hình thức khác đối với 12 doanh nghiệp: giải thể 10 doanh nghiệp, phá sản 1 doanh nghiệp, bán 1 doanh nghiệp.

b) Về thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Trong 9 tháng đầu năm 2016 (tính đến ngày 28/9/2016), trong cả nước có Bộ Xây dựng, Tập đoàn Viễn thông Quân đội, Tập đoàn Dệt May, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Tổng công ty Lương thực miền Bắc và Hà Nội đã thực hiện bán phần vốn nhà nước không cần nắm giữ tại doanh nghiệp

khác với tổng giá trị theo sổ sách là 2.809,3 tỷ đồng, thu về 4.993,1 tỷ đồng (Phụ lục III kèm theo).

3. Về triển khai thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

a) Về ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện

Để triển khai thực hiện Nghị định này, theo kế hoạch đề ra, đến hết năm 2015 cần ban hành 14 văn bản hướng dẫn. Đến nay đã ban hành được 12 văn bản hướng dẫn, còn 2 văn bản chưa được ban hành (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình, VPCP đang xử lý theo quy trình).

b) Việc thẩm định và phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp của các Bộ, địa phương

Cả nước có 49 đơn vị gồm: 43 địa phương, Bộ Quốc phòng, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, 4 Tổng công ty (Giấy, Lâm nghiệp, Chè, Cà phê) có quản lý các nông, lâm trường, thuộc đối tượng phải xây dựng phương án sắp xếp, đổi mới theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ. Đến nay, việc thẩm định, phê duyệt các phương án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp nêu trên đã cơ bản hoàn thành, cụ thể như sau:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt phương án tổng thể của 48 đơn vị, gồm 246 doanh nghiệp (102 công ty nông nghiệp, 144 công ty lâm nghiệp). Trong đó: Nhà nước giữ 100% vốn để thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh 13 doanh nghiệp; Nhà nước giữ 100% vốn để thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đối 57 doanh nghiệp; chuyển thành công ty cổ phần 99 doanh nghiệp; chuyển thành công ty TNHH 2 thành viên trở lên là 27 doanh nghiệp; chuyển 4 đơn vị thành đơn vị sự nghiệp (Ban quản lý rừng); giải thể 28 doanh nghiệp; chưa xác định được mô hình chuyển đổi 2 nông trường do chưa giải quyết được vướng mắc về tài chính (Nông trường Sông Hậu và Nông trường Cờ Đỏ của thành phố Cần Thơ).

- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án của 46 đơn vị, gồm 244 doanh nghiệp (103 công ty nông nghiệp, 149 công ty lâm nghiệp). Trong đó: Nhà nước giữ 100% vốn để sản xuất, kinh doanh 14 công ty; Nhà nước giữ 100% vốn để thực hiện nhiệm vụ công ích 59 công ty; cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ 59 công ty và dưới 50% vốn điều lệ 42 công ty; chuyển thành công ty TNHH hai thành viên 37 công ty; chuyển thành Ban quản lý rừng phòng hộ 5 công ty; giải thể 28 công ty.

2 địa phương gồm: TP.Hồ Chí Minh, Cần Thơ đã có phương án được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định nhưng chưa hoàn thiện phương án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hiện còn Thành phố Hà Nội chưa gửi Phương án tổng thể sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp để thẩm định.

c) Về rà soát và xây dựng phương án sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp

Theo phương án sắp xếp tổng thể của các đơn vị đã được thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tổng diện tích đất các công ty nông, lâm nghiệp thuộc các đơn vị này quản lý là 2.376.431,53 ha (tổng diện tích đất của tất cả các công ty nông, lâm nghiệp đang quản lý khoảng 2.389.812,70 ha).

- Dự kiến tiếp tục giữ lại để sản xuất kinh doanh là: 1.932.243,25 ha.

- Dự kiến giao về địa phương quản lý là: 450.969,78 ha.

II. Về triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020

Đến ngày 28/9/2016 có 22 bộ, cơ quan ngang bộ, 59 địa phương và VCCI đã ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP. Hiện còn Bộ Y tế và 4 địa phương: Lạng Sơn, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Đồng Nai chưa gửi Chương trình hành động báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Như vậy, về cơ bản các đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ này.

Đến nay, VCCI và các địa phương trong cả nước đã hoàn thành việc ký cam kết về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp như Nghị quyết số 35/NQ-CP đã giao. Ngoài TP.Hồ Chí Minh và Hà Nội đã ký cam kết với VCCI tại Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp năm 2016, trong các tháng 6-9/2016, UBND các tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Quảng Ninh, Lâm Đồng, Hòa Bình, Thái Bình, Quảng Ngãi, Hải Phòng đã tổ chức ký cam kết với VCCI. Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ - Trưởng ban đã chứng kiến các lễ ký cam kết giữa VCCI với 32 tỉnh, thành phố miền Trung, miền Nam vào ngày 24/8/2016 và với 21 tỉnh, thành phố miền Bắc vào ngày 22/9/2016. Các địa phương cam kết đến năm 2020 có khoảng 1,2 triệu doanh nghiệp hoạt động.

Nhiều địa phương đã tổ chức đã tổ chức gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp để lắng nghe và giải quyết các kiến nghị cho doanh nghiệp; thành lập và công khai đường dây nóng hỏi đáp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tiếp nhận phản ánh và hướng dẫn, giải đáp cho doanh nghiệp (Hà Nội, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bến Tre, Bình Dương, Tiền Giang, v.v...).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo Chính phủ dự án Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa vào tháng 8/2016, hiện dự án luật này đã được trình Quốc hội để đưa ra thảo luận tại kỳ họp tháng 10/2016.

Bộ Tài chính đã trình Chính phủ Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội nghị quyết tháo gỡ khó khăn về thuế cho doanh nghiệp năm 2016 tháng 8/2016.

Bộ Công Thương đã trình Chính phủ Dự thảo Nghị định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp vào tháng 7/2016. Hiện Bộ đang tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ để hoàn chỉnh Dự thảo Nghị định.

Bộ Giao thông vận tải đã hoàn thiện Dự thảo Nghị định quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển, giá dịch vụ cảng biển đối với hàng hóa công-te-nơ và trình Chính phủ vào tháng 7/2016. Hiện đang lấy ý kiến các thành viên Chính phủ.

Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ KH-ĐT tập hợp, rà soát, lập danh mục các VBQPPL do các Bộ, cơ quan ngang bộ ban hành quy định liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh. Kết quả kiểm tra 34 văn bản QPPL đã phát hiện 18 văn bản quy định về điều kiện kinh doanh không đúng thẩm quyền và Bộ Tư pháp đang theo dõi, đôn đốc, xử lý.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện các nhiệm vụ: (1) chỉ đạo và điều hành chính sách tiền tệ chủ động linh hoạt, chặt chẽ duy trì mặt bằng lãi suất thị trường ở mức hợp lý, đồng thời bảo đảm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế; (2) có văn bản chỉ đạo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình kết nối doanh nghiệp - Ngân hàng và chương trình bình ổn giá; (3) thực hiện đồng bộ lộ trình hạn chế tín dụng ngoại tệ đi đôi với phát triển thị trường mua bán ngoại tệ đáp ứng nhu cầu cho người dân và DN, đáp ứng nhu cầu tín dụng ngoại tệ đối với một số ngành hàng, lĩnh vực.

Từ sau Hội nghị Thủ tướng với doanh nghiệp đến nay, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp đã nhận được 90 đơn, thư kiến nghị của các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp và VCCI gửi Thủ tướng Chính phủ (tháng 5: 23 kiến nghị, tháng 6: 47 kiến nghị, tháng 7: 16 kiến nghị, tháng 8: 4 kiến nghị). Những kiến nghị chủ yếu liên quan đến các lĩnh vực: thuế, hải quan, thanh tra, kiểm tra, dự án xây dựng, bất động sản, đầu tư, cấp phép, vốn điều lệ của ngân hàng và xử lý các tranh chấp dân sự, sai phạm trong điều hành, quản lý doanh nghiệp,... Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Văn phòng Chính phủ đã chuyển các đơn thư kiến nghị nêu trên đến các Bộ, cơ quan xử lý theo thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện; đồng thời chuyển VCCI, Công Thông tin điện tử Chính phủ để theo dõi, công khai kết quả xử lý của các Bộ, cơ quan. Đến nay có 21 cơ quan có văn bản trả lời 26 kiến nghị của doanh nghiệp.

Trong tháng 8-9/2016, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Văn phòng Chính phủ đã phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan chuẩn bị tốt các buổi làm việc, hội nghị do Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ - Trưởng ban chủ trì như: Hội thảo tạo dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam - Bài học thực tiễn từ Israel, các lễ ký cam kết giữa VCCI với địa phương...

III. Nhiệm vụ tháng 10 và Quý IV năm 2016:

a) Tiếp tục đôn đốc các Bộ, ngành trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và ban hành đúng tiến độ các cơ chế chính sách về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các dự thảo Nghị định, Quyết định về: quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu; sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; hoạt động của DNNN và Đề án Thành lập cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với DNNN và vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Các Bộ Quốc phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, trình Chính phủ dự thảo Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước được giao quản lý và các Nghị định về Quy chế quản lý tài chính Công ty mẹ - Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương ban hành Hướng dẫn cơ chế hợp đồng, thanh toán đối với các công ty nông, lâm nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Bộ Giao thông vận tải tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự thảo Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt, trình Chính phủ.

b) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, danh mục phân loại DNNN; tiêu chí, phân loại đơn vị sự nghiệp công lập; các nghị định về điều lệ tổ chức và hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty: Dầu khí, Điện lực, Công nghiệp Than - Khoáng sản, Hóa chất.

c) Trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

d) Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, tổ chức các đoàn kiểm tra các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trong việc thực hiện phương án sắp xếp, tái cơ cấu DNNN và công ty nông, lâm nghiệp đã được phê duyệt.

đ) Theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, VCCI xây dựng kế hoạch và tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP tại các Bộ, ngành, địa phương.

e) Chuẩn bị tổ chức Hội nghị Toàn quốc triển khai sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 - 2020

Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: BTCN, PCN Lê Mạnh Hà, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, ĐMDN;
- Lưu: VT, ĐMDN (3). Hòa 41

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**PHÓ CHỦ NHIỆM VPCP
Lê Mạnh Hà**



Phụ lục I

TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ ĐỔI MỚI TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ TÁI CƠ CẤU DNNN NĂM 2016

(Ban hành kèm theo công văn số: 254/BC-BĐMDN ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp)

Stt	Tên Nghị định, Quyết định, Đề án	Cơ quan soạn thảo	Thời gian phải trình	Tình hình thực hiện
1	Đề án xây dựng khung pháp lý về quản lý và giám sát các tập đoàn tài chính Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế	Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Tháng 3/2016	PTTg cho phép rút khỏi CTCT
2	Quyết định của TTg CP về sửa đổi, bổ sung một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích	Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Tháng 3/2016	Đã trình tháng 7/2016 (đang xử lý theo quy trình)
3	Nghị định về quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu (thay thế NĐ số 99/2012/NĐ-CP, NĐ về Quy chế giám sát việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của CSH NN đối với DNNN, NĐ số 115/2014/NĐ-CP)	Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Tháng 5/2016	Chưa trình
4	Đề án rà soát, đánh giá môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của các DN trong lĩnh vực dịch vụ và đề xuất các giải pháp thực hiện đến năm 2020	Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Tháng 6/2016	Đã trình tháng 8/2016 (đang xử lý theo quy trình)
5	Quyết định của Thủ tướng CP về tiêu chí, phân loại đơn vị sự nghiệp công lập	Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Tháng 6/2016	Đã trình tháng 6/2016 (PTTg y/c Bộ báo cáo thêm)
6	Đề án thành lập cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Tháng 6/2016	Chưa trình
7	Nghị định sửa đổi, bổ sung NĐ số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	Bộ Tài chính	Tháng 6/2016	Đã trình tháng 6/2016 (PTTg y/c Bộ hoàn thiện lại)
8	Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (thay thế Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ)	Bộ Tài chính	Tháng 6/2016	Đã trình tháng 6/2016 (PTTg y/c Bộ hoàn thiện lại)
9	Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí VN (thay thế Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31/10/2013 của CP)	Bộ Công Thương	Tháng 6/2016	Đã trình tháng 7/2016 (đang xử lý theo quy trình)
10	Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực VN (thay thế Nghị định số 205/2013/NĐ-CP ngày 6/12/2013 của CP)	Bộ Công Thương	Tháng 6/2016	Đã trình tháng 6/2016 (đang xử lý theo quy trình)
11	Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản VN (thay thế Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của CP)	Bộ Công Thương	Tháng 6/2016	Đã trình tháng 7/2016 (đang xử lý theo quy trình)

12	Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Hóa chất VN (thay thế Nghị định số 190/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của CP)	Bộ Công Thương	Tháng 6/2016	Đã trình tháng 6/2016 (đang xử lý theo quy trình)
13	Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Viễn thông quân đội (thay thế Nghị định 101/2014/NĐ-CP ngày 07/11/2014 của CP)	Bộ Quốc phòng	Tháng 6/2016	Chưa trình
14	Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc (thay thế Nghị định số 12/2014/NĐ-CP ngày 25/2/2014 của Chính phủ)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tháng 6/2016	Chưa trình
15	Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (thay thế Nghị định số 175/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 và Nghị định số 69/2015/QĐ-TTg ngày 16/08/2015 của CP)	Bộ Giao thông vận tải	Tháng 6/2016	Đã trình tháng 6/2016 (Bộ đang tiếp thu ý kiến TVCP)
16	Nghị định về Quy chế quản lý tài chính Công ty mẹ - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (thay thế Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25/8/2015)	Bộ Tài chính	Tháng 6/2016	Chưa trình
17	Nghị định về Quy chế quản lý tài chính Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (thay thế Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13/01/2015)	Bộ Tài chính	Tháng 7/2016	Chưa trình
18	Dự án Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Tháng 7/2016	Đã trình tháng 8. Đã hoàn chỉnh trình Quốc hội
19	Nghị định về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông quân đội giai đoạn 2016-2020	Bộ Lao động - TB&XH	Tháng 7/2016	Đã ban hành
20	Nghị định thay thế Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của CP về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích	Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Tháng 9/2016	Chưa trình
21	Nghị định về hoạt động của DNNN (thay thế NĐ số 172/2013/NĐ-CP, NĐ số 69/2014/NĐ-CP, QĐ số 35/2013/QĐ-TTg, QĐ số 74/2013/QĐ-TTg, NĐ số 128/2014/NĐ-CP và bổ sung quy định về chuyển đổi thành công ty TNHH 2 TV trở lên)	Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Tháng 9/2016	Chưa trình
22	Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước	Bộ Tài chính	Tháng 9/2016	Chưa trình
23	Nghị định về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (thay thế NĐ số 59/2011/NĐ-CP, NĐ số 189/2013/NĐ-CP và NĐ số 116/2015/NĐ-CP của CP)	Bộ Tài chính	Tháng 11/2016	
24	Quyết định sửa đổi, bổ sung (hoặc thay thế) Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 17/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa	Bộ Tài chính	Tháng 11/2016	
25	Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2016-2020	Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Tháng 12/2016	



Phụ lục II

DNVN CPH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

Ban hành kèm theo công văn số: 257/BC-BĐMDN ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp

STT	Doanh nghiệp	Đơn vị chủ quản
1	Cty mẹ: TCT Tư vấn XD-VN (VNCC)	Bộ Xây dựng
2	Cty TNHH MTV PT nhà Khánh Hòa (Sông Đà)	Bộ Xây dựng
3	Công ty TNHH MTV 711 - Tổng công ty 15	Bộ Quốc phòng
4	Công ty TNHH MTV 28.1 - Tổng công ty 28	Bộ Quốc phòng
5	Công ty TNHH MTV Du lịch Trường Sơn - Tổng công ty Hợp tác kinh tế	Bộ Quốc phòng
6	Công ty TNHH MTV ICD Tân cảng Sóng Thần - Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn	Bộ Quốc phòng
7	Công ty mẹ Tổng công ty 36	Bộ Quốc phòng
8	Cty TNHH MTV BOT 36,71 (TCT 36)	Bộ Quốc phòng
9	Công ty Vận hành và bảo trì đường cao tốc VN (thuộc TCT Đường cao tốc VN)	Bộ Giao thông VT
10	Công ty mẹ: TCT Máy và Thiết bị CN	Bộ Công Thương
11	Công ty Cơ khí Hà Nội (TCT Máy và TB CN)	Bộ Công Thương
12	Công ty Cơ khí Quang Trung (TCT Máy và TB CN)	Bộ Công Thương
13	Công ty XNK sản phẩm cơ khí (TCT Máy và TB CN)	Bộ Công Thương
14	Công ty XNK thiết bị toàn bộ và kỹ thuật (TCT Máy và TB CN)	Bộ Công Thương
15	Công ty mẹ: TCT Máy ĐL và máy NN	Bộ Công Thương
16	Công ty Cơ khí Trần Hưng Đạo (TCT Máy ĐL)	Bộ Công Thương
17	Công ty Diesel Sông Công (TCT Máy ĐL)	Bộ Công Thương
18	Công ty Máy kéo và máy nông nghiệp (TCT Máy ĐL)	Bộ Công Thương
19	Công ty Động cơ và Máy nông nghiệp MN (TCT Máy ĐL)	Bộ Công Thương
20	Viện máy Công nghệ (TCT Máy ĐL)	Bộ Công Thương
21	Công ty Mẹ: TCT Lâm nghiệp VN	Bộ NN&PTNT
22	Công ty lâm nghiệp Đình Lập (TCT Lâm nghiệp VN)	Bộ NN&PTNT
23	Công ty lâm nghiệp Lộc Bình (TCT Lâm nghiệp VN)	Bộ NN&PTNT
24	Cty lâm nghiệp Ba Tơ (TCT Lâm nghiệp VN)	Bộ NN&PTNT
25	Cty lâm nghiệp La Ngà - Đồng Nai (TCT Lâm nghiệp VN)	Bộ NN&PTNT
26	Công ty lâm nghiệp Hòa Bình (TCT Lâm nghiệp)	Bộ NN&PTNT
27	Cty lâm nghiệp Đông Bắc (TCT Lâm nghiệp)	Bộ NN&PTNT
28	Công ty Mẹ: TCT Vật tư NN	Bộ NN&PTNT
29	Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên	Tập đoàn CN Cao su
30	Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa	Tập đoàn CN Cao su
31	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa - Vũng Tàu (SCIC)	TCT Đầu tư và KDVNN
32	Công ty TNHH MTV Lương thực thành phố Hồ Chí Minh	TCT Lương thực MN
33	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang	TCT Lương thực MN
34	Đoạn Quản lý giao thông thủy bộ Bến Tre	Bến Tre
35	Công ty Lâm nghiệp Bình Dương	Bình Dương
36	Công ty Cấp nước Đà Nẵng	Đà Nẵng
37	Công ty Cà phê Phước An	Đắk Lắk
38	Cty mẹ: Xây lắp và VLXD Đồng Tháp	Đồng Tháp
39	Công ty Cấp thoát nước	Gia Lai

STT	Doanh nghiệp	Đơn vị chủ quản
40	Công ty CT Đô thị Gia lai	Gia Lai
41	Trung tâm dịch vụ khu công nghiệp, Ban quản lý dự án đầu tư	Hà Nam
42	Công ty mẹ Công ty TNHH MTV Thống Nhất.	Hà Nội
43	Công ty TNHH MTV Haprosimex.	Hà Nội
44	Công ty Môi trường Đô thị Hải Dương	Hải Dương
45	Công ty Du lịch Kon Tum	Kon Tum
46	Công ty Công trình đô thị	Nam Định
47	Công ty Môi trường Nam Định	Nam Định
48	Cty Đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ Quảng Ninh	Quảng Ninh
49	Công ty MT Đô thị	Sơn La
50	Công ty Công trình đô thị thị xã Gò Công	Tiền Giang
51	Công ty Đầu tư và Du lịch	Thừa Thiên - Huế



Phụ lục III
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THOÁI VỐN NHÀ NƯỚC
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC
Tháng 9 năm 2016

(Ban hành kèm theo Công văn số 254/BC-BĐMDN ngày 03 tháng 9 năm 2016 của Ban Chi đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp)

Stt	Tên DN	Vốn điều lệ DN (tỷ đồng)	Vốn nhà nước		Kế hoạch bán vốn		8 tháng đầu năm 2016			Tháng 9 năm 2016			Lũy kế 9 tháng đầu năm 2016		
			Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	A. BỘ, NGÀNH		1.477,6		1.477,6		12,9		12,9	1.464,7		1.577,4	1.477,6		1.590,3
	BỘ NÔNG NGHIỆP		12,9		12,9		12,9		12,9				12,9		12,9
	TCT Lương Thực Miền Bắc		12,9		12,9		12,9		12,9				12,9		12,9
1	Công ty cổ phần Lương thực Phú Thọ		12,9		12,9		12,9		12,9				12,9		12,9
	BỘ XÂY DỰNG		1.464,7		1.464,7					1.464,7		1.577,4	1.464,7		1.577,4
I	TCT Sông Đà		977,6		977,6					977,6		994,4	977,6		994,4
1	CTCP Sông Đà Hà Nội		16,50	55,0%	16,50	55,0%				16,50	55,0%	16,72	16,50	55,0%	16,72
2	CTCP Thủy điện Bình Điền		31,93	20,6%	31,93	20,6%				31,93	20,6%	48,53	31,93	20,6%	48,53
3	Quý Đầu tư Việt Nam		51,12	10,7%	51,12	10,7%				51,12	10,7%	51,12	51,12	10,7%	51,12
4	CTCP Xây lắp và dịch vụ Sông Đà		1,15	5,0%	1,15	5,0%				1,15	5,0%	1,38	1,15	5,0%	1,38
5	Công ty TNHH 1 TV PT nhà Khánh Hòa		37,13	64,0%	37,13	64,0%				37,13	64,0%	36,92	37,13	64,0%	36,92
6	Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long (chuyên giao)		578,69	59,9%	578,69	59,9%				578,69	59,9%	578,69	578,69	59,9%	578,69
7	CTCP Thép Việt Ý		261,06	53,0%	261,06	53,0%				261,06	53,0%	261,06	261,06	53,0%	261,06
	TCT phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (Idico)		1,50		1,50					1,50		1,60	1,50		1,60
1	CTCP kiểm định Idico-vinacontrol		1,50	30,0%	1,50	30,0%				1,50	30,0%	1,60	1,50	30,0%	1,60
III	TCT cơ khí Xây dựng (coma)		23,92		23,92		-	-	-	23,92		13,02	23,92		13,02

Tên DN	Vốn điều lệ DN (Tỷ đồng)	Vốn nhà nước		Kế hoạch bán vốn		8 tháng đầu năm 2016			Tháng 9 năm 2016			Lũy kế 9 tháng đầu năm 2016		
		Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
CTCP coma 18		23,92	51,0%	23,92	51,0%				23,92	51,0%	13,02	23,92	51,0%	13,02
TCT Viglacera-CTCP		0,30		0,30					0,30		0,30	0,30		0,30
CTCP giấy Tây đô		0,30		0,30					0,30		0,30	0,30		0,30
TCT Đầu tư PT nhà và Đô thị (HUD)		29,94		29,94					29,94		64,10	29,94		64,10
Quỹ đầu tư Việt Nam		12,24		12,24					12,24		12,24	12,24		12,24
CTCP PT nhà và đô thị Phú Quốc		17,70	26,5%	17,70	26,5%				17,70	26,5%	51,86	17,70	26,5%	51,86
Công ty mẹ-TCT tư vấn xây dựng Việt Nam VNCC		41,10	11,7%	41,10	11,7%				41,10	11,7%	41,32	41,10	11,7%	41,32
Công ty mẹ-TCT xây dựng số 1 (CC1)		140,09	12,8%	140,09	12,8%				140,09	12,8%	200,07	140,09	12,8%	200,07
Công ty mẹ-TCT Vật liệu xây dựng số 1 (Fico)		250,31	20,0%	250,31	20,0%				250,31	20,0%	262,60	250,31	20,0%	262,60
B. TẬP ĐOÀN, TCT	3.361,6	972,2	17,9	972,2	17,9	941,6	15,9	2.941,1	371,7	1,0	436,0	1.313,3	16,8	3.377,1
SCIC	2.717,5	751,5	17,9	751,5	17,9	679,7	15,9	2.741,0	371,7	1,0	436,0	1.051,3	16,8	3.177,0
CTCP Xây dựng, dịch vụ và hợp tác lao động (OLECO)	10,00	5,10	51%	5,10	51%	5,10	51%	31,16				5,10	51%	31,16
CTCP In và Dịch vụ Đà Nẵng	11,00	1,56	14%	1,56	14%	1,56	14%	2,03				1,56	14%	2,03
CTCP Xây dựng nhà ở Hải Phòng	9,00	1,00	11%	1,00	11%	1,00	11%	1,53				1,00	11%	1,53
CTCP Xây dựng Ngô Quyền	10,20	5,25	52%	5,25	52%	5,25	52%	5,62				5,25	52%	5,62
CTCP Du lịch Đồ Sơn	8,09	4,50	56%	4,50	56%	4,50	56%	154,81				4,50	56%	154,81
CTCP Mía đường Sóc Trăng	40,00	10,00	25%	10,00	25%	10,00	25%	34,85				10,00	25%	34,85
CTCP Du lịch Quảng Ninh	25,00	13,67	55%	13,67	55%	13,67	55%	30,35				13,67	55%	30,35
CTCP Đầu tư xây lắp thương mại I	47,10	3,00	6%	3,00	6%	3,00	6%	3,09				3,00	6%	3,09

Stt	Tên DN	Vốn điều lệ DN (Tỷ đồng)	Vốn nhà nước		Kế hoạch bán vốn		8 tháng đầu năm 2016			Tháng 9 năm 2016			Lũy kế 9 tháng đầu năm 2016		
			Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
9	CTCP Nước khoáng Vĩnh Hảo	81,00	16,33	20%	16,33	20%	16,33	20%	109,23				16,33	20%	109,23
10	CTCP Nhật Nhật Tân	18,8	7,2	38,5%	7,2	38%	7,2	38%	10,1				7,2	38%	10,1
11	CTCP Dược Minh Hải	55,0	3,3	6%	3,3	6%	3,3	6%	3,3				3,3	6%	3,3
12	CTCP Vận tải Ô tô Tiền Giang	15,6	6,1	39%	6,1	39%	6,1	39%	6,1				6,1	39%	6,1
13	CTCP Xi măng và xây dựng Quảng Ninh	184,5	32,8	18%	32,8	18%	32,8	18%	36,4				32,8	18%	36,4
14	CTCP Thủy sản Cửu Long - Trà Vinh	80,0	26,2	33%	26,2	33%	26,2	33%	26,2				26,2	33%	26,2
15	CTCP Công nghiệp thực phẩm Huế	13,48	4,58	34%	4,58	34%	1,88	14%	1,88				1,88	14%	1,88
16	CTCP Khoáng sản và XD Bình Dương	107,00	53,55	50%	53,55	50%	98,42	50%	439,16				98,42	50%	439,16
17	CTCP Du lịch núi Bà Cù	34,12	15,85	46%	15,85	46%	15,85	46%	48,1				15,85	46%	48,1
18	CTCP Quản lý và xd đường bộ 234	11,00	1,65	15%	1,65	15%	1,65	15%	2,0				1,65	15%	2,0
19	CTCP Quản lý đường sông số 8	6,00	3,15	53%	3,15	53%	3,15	53%	7,2				3,15	53%	7,2
20	CTCP Du lịch Kim Liên	58,96	30,91	52%	30,91	52%	30,91	52%	1000,1				30,91	52%	1000,1
21	CTCP Sách và thiết bị trường học Hà Tĩnh	22,31	1,15	5%	1,15	5%	1,15	5%	1,2				1,15	5%	1,2
22	CTCP Quản lý và xd đường bộ 470	10,50	5,81	55%	5,81	55%	5,81	55%	6,9				5,81	55%	6,9
23	CTCP Quản lý đường sông số 2	6,22	3,29	53%	3,29	53%	3,29	53%	10,2				3,29	53%	10,2
24	CTCP Vật tư nông nghiệp Điện Biên	7,35	6,07	82,55%	6,1	83%	6,1	0,8	3,5				6,1	0,8	3,5
25	CTCP thiết bị phụ tùng Hà Nội	50,00	5,92	11,84%	5,9	12%	5,9	0,1	2,5				5,9	0,1	2,5
26	CTCP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi II	42,00	4,50	10,71%	4,5	11%	4,5	0,1	7,7				4,5	0,1	7,7
27	CTCP Thương nghiệp tổng hợp Cần Thơ	20,00	3,90	19,50%	3,9	20%	3,9	0,2	10,3				3,9	0,2	10,3
28	CTCP XD GT thủy lợi Bình Dương	6,00	1,80	30,00%	1,8	30%	1,8	0,3	2,6				1,8	0,3	2,6
29	CTCP T.tin và thẩm định giá Miền Nam	6,13	0,22	3,67%	0,2	4%	0,2	0,0	0,5				0,2	0,0	0,5
30	CTCP Thép và Cơ khí	69,50	61,94	89,12%	61,9	89%	61,9	0,9	39,0				61,9	0,9	39,0
31	CTCP Văn hóa - Du lịch Gia Lai	87,96	15,53	17,65%	15,5	18%	15,5	18%	18,0				15,5	18%	18,0

tt	Tên DN	Vốn điều lệ DN (Tỷ đồng)	Vốn nhà nước		Kế hoạch bán vốn		8 tháng đầu năm 2016			Tháng 9 năm 2016			Lũy kế 9 tháng đầu năm 2016		
			Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	CTCP Sách Thiết bị trường học Đà Nẵng	30,00	11,15	37,18%	11,2	37%	11,2	37%	47,0				11,2	37%	47,0
3	CTCP Dược phẩm và Thiết bị Y tế (Hapharco)	12,60	6,43	51,00%	6,4	51%	6,4	51%	148,0				6,4	51%	148,0
4	CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	140,00	125,00	89,29%	125,0	89%	125,0	89%	160,0				125,0	89%	160,0
5	CTCP Bía nước giải khát Cần Thơ	23,90	19,04	79,66%	19,0	80%	19,0	80%	21,9				19,0	80%	21,9
6	CTCP Sách - Thiết bị trường học Hậu Giang	3,00	0,29	9,50%	0,3	10%	0,3	10%	0,3				0,3	10%	0,3
7	CTCP Phát triển điện nông thôn Trà Vinh	52,80	34,85	66,00%	34,8	66%	34,8	66%	60,3				34,8	66%	60,3
8	CTCP XL Đầu tư Kinh doanh nhà Gia Lai	1,32	0,53	40,00%	0,5	40%	0,5	40%	0,5				0,5	40%	0,5
9	CTCP Mía đường Cần Thơ	130,8	36,1	27,6%	36,1	27,6%	36,1	27,6%	120,0				36,1	27,6%	120,0
0	CTCP Giao thông công chính Tam Kỳ	3,5	1,5	42,9%	1,5	42,9%	1,5	42,9%	1,5				1,5	42,9%	1,5
1	CTCP Sách và dịch vụ Văn hóa Tây Đô	45,0	4,6	10,2%	4,6	0,1	4,6	10,2%	4,7				4,6	10,2%	4,7
2	CTCP Xây dựng Vĩnh Long	4,8	2,6	54,1%	2,6	0,5	3,4	54,1%	2,8				3,4	54,1%	2,8
3	CTCP Lâm sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương	90,0	40,6	45,1%	40,6	45,1%	38,8	45,1%	118,5				38,8	45,1%	118,5
4	CTCP Germadept	1000,0	100,7	10,07%	100,7	10,1%				360,0		424,5	360,0		424,5
5	CTCP Đầu tư và XD công trình 79	10,0	7,4	74,00%	7,4	74,0%				6,8		6,8	6,8		6,8
6	CTCP Xây lắp Cao Bằng	6,9	1,1	16,35%	1,1	16,4%				1,1	16,4%	1,1	1,1	16,4%	1,1
7	CTCP Xây dựng thủy lợi điện II	3,0	1,1	35,46%	1,1	35,5%				1,1	35,5%	0,7	1,1	35,5%	0,7
8	CTCP Xây dựng GT II Lạng Sơn	6,0	2,7	45,00%	2,7	45,0%				2,7	45,0%	2,9	2,7	45,0%	2,9
	TỔNG	590,1	203,7		203,7		245,0		178,3				245,0		178,3
1	CTCP IQLinks	40	5,9	14,7%	5,9	14,7%	5,9	14,7%	5,9				5,9	14,7%	5,9
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nhà Viettel	183	183	100,0%	183	100%	224,7	123%	158,0				224,7	123%	158,0
3	Công ty CP EVN Quốc tế	367	14,4	3,9%	14,4	3,9%	14,4	3,9%	14,4				14,4	3,9%	14,4

Stt	Tên DN	Vốn điều lệ DN (Tỷ đồng)	Vốn nhà nước		Kế hoạch bán vốn		8 tháng đầu năm 2016			Tháng 9 năm 2016			Lũy kế 9 tháng đầu năm 2016		
			Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% Vốn ĐL	Giá trị thu hồi (tỷ đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tập đoàn Dệt May	54	17		17		17		22				17		22
1	CTCP may Phương Đông	36	9,2	25,5%	9,1	25,5%	9,1	25,5%	13,1				9,1	25,5%	13,1
2	CTCP Đầu tư XD Vinatex	18	7,9	44,2%	7,9	44,2%	7,9	44,2%	8,7				7,9	44,2%	8,7
	C. ĐỊA PHƯƠNG	-	18,43	-	18,43	-	18,43	-	25,73				18,43	-	25,73
	Hà Nội		18,43		18,43		18,43		25,73				18,43		25,73
	Thoái vốn tại 3 doanh nghiệp		18,43		18,43		18,43		25,73				18,43		25,73
56	Tổng cộng	3.361,6	2.468,3		2.468,2		973,0	15,9	2.979,7	1.836,4	1,0	2.013,4	2.809,3	16,8	4.993,1

Thoái vốn tại các Lĩnh vực như sau:

Giá trị số
sách (tỷ
đồng)

Giá trị thu
về (tỷ
đồng)

1 Bất động sản:

2 Bảo hiểm:

3 Chứng khoán:

4 Tài chính:

5 Ngân hàng:

6 Bán vốn tại DN nhà nước không cần nắm giữ:

2.809,3

4.993,1

7 5 lĩnh vực nhạy cảm (1+2+3+4+5) là

-

-